

nhiên có những từ có thể vừa đặt trước vừa đặt sau động từ tính từ đều được.

4. Nhận xét và đề nghị

4.1. Do tiếng Anh và tiếng Việt là hai ngôn ngữ thuộc hai loại hình khác nhau, nên khi dùng các thuật ngữ chung, thông dụng trong việc nghiên cứu ngữ pháp như adverb, trạng từ, verb phrase - ngữ động từ ... thì ý nghĩa của chúng không hoàn toàn giống nhau. Vì trong thực tế mỗi ngôn ngữ có những cách thể hiện khác nhau. Sự khác nhau đó không chỉ ở hình thức của từ, mà cả ở trật tự trong quan hệ giữa các từ trong ngữ của mỗi thứ tiếng. Ngay trong bản thân tiếng Việt, thuật ngữ của một số tác giả dùng để chỉ cùng một đơn vị ngôn ngữ như từ cũng khác nhau.

Do thành phần cú pháp của câu ở mỗi ngôn ngữ có sự khác nhau về thuật ngữ, cho nên tìm kiếm sự tương thích trong so sánh cũng là vấn đề không dễ dàng.

4.2. Còn nhiều vấn đề mà bài viết chưa bao quát hết, cần được tiếp tục đi sâu nghiên cứu, so sánh. Chẳng hạn cách chuyển dịch trạng từ tiếng Anh sang tiếng Việt, vấn đề thuật ngữ và thống nhất thuật ngữ dùng để chỉ thành phần cú pháp trong câu hỗ trợ cho động từ và tính từ làm vị ngữ ...

Tài liệu tham khảo

1. Đinh Văn Đức (1978), *Về một cách hiểu ý nghĩa các từ loại trong tiếng Việt*, TC Ngôn ngữ số 2, 31-39.
2. Đinh Văn Đức (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt: từ loại*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Lê Biên, (1999), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, NXB GD.

4. Văn Thị Thiên Hà (2005), *Hiện tượng chuyển di từ loại trong tiếng Việt* (có so sánh với tiếng Anh) (Luận văn thạc sĩ).

5. Hồ Lê (1976), *Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại*, NXB KHXH, Hà Nội.

6. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

7. Nguyễn Hữu Quỳnh (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội.

8. Solnsev, (Bùi Khánh Thế dịch từ tiếng Nga, 1981), *Bàn về khả năng so sánh các ngôn ngữ*.

9. Stankevich, N.V. (1993), *Loại hình các ngôn ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội.

10. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB KHXH Hà Nội.

11. Asher, R.E. (1994), *The encyclopedia of language and linguistics*, Pegamon Press Ltd.

12. Bright, W. (1992), *International encyclopedia of linguistics*, Oxford University Press, N.Y.

13. Graver, B. D. (1991), *Advanced English practice*, Third edition, Oxford.

14. *Oxford advanced learner's dictionary* (1995), Oxford, Oxford University Press.

15. <http://www.uottawa.ca/academic/arts/writcent/hypergrammar/wordform.html>.

16. <http://www.cycfoundation.org/concepts/AdjectiveProducingSuffix>.

17. <http://english-access.com/vocabulary/ch003/index.asp>.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-11-2011)

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

GIỌNG ĐIỀU TRẦN THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT THỜI XA VẮNG CỦA LÊ LỰU

NGÔ THU THUY

(GV Khoa Ngữ văn, ĐHSP Thái Nguyên)

Nguyễn Như Trang

(SV, Khoa Ngữ văn, ĐHSP Thái Nguyên)

1. Mở đầu. *Thời xa vắng* là tác phẩm tiêu biểu, đánh dấu tên tuổi của Lê Lựu trong làng văn Việt Nam hiện đại, mở đầu cho khuynh hướng nhận thức lại hiện thực của văn học Việt Nam sau 1975. Với cái nhìn thế sự, nhà văn đã phản ánh chân thực hình ảnh của người lính ở hai mảng đời sống: chiến tranh và hoà bình, với tất cả những vênh lệch của số phận, tình yêu, hạnh phúc. Có thể nói, *Thời xa vắng* là một trong những tác phẩm đầu tiên mang trong mình dấu hiệu của đời mới văn học.

Một trong những dấu hiệu đáng mừng ấy là sức hấp dẫn của nghệ thuật kể chuyện mà trong đó yếu tố giọng điệu trần thuật đóng vai trò quan trọng. Giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng đạo đức của nhà văn thể hiện qua lời văn nghệ thuật [1] và thông qua chất giọng phổ quát của mình nhà văn gửi gắm thông điệp nghệ thuật mà mình đúc kết. Trong *Thời xa vắng*, nhà văn vẫn giữ kiểu trần thuật theo ngôi thứ ba song đã có sự di chuyển các điểm nhìn trần thuật, tạo nên sự phong phú, đa dạng về giọng điệu. Là một yếu tố đặc trưng thể hiện hình tượng tác giả trong tác phẩm, giọng điệu giúp chúng ta hiểu hơn chiều sâu, sự phong phú của chủ thể sáng tạo, là thước đo tài năng, phẩm chất của người nghệ sĩ. Đọc *Thời xa vắng*, độc giả nhận thấy một Lê Lựu sắc sảo nhưng đôn hậu, am tường về cuộc sống và con người dân quê, luôn đau đáu suy ngẫm về cuộc đời, con người. Nghiên cứu giọng điệu trần thuật trong *Thời xa vắng* là khảo sát sự lặp lại của các sắc thái tình cảm, thái độ của tác giả gửi gắm trong tác phẩm. Đó là giọng đa thanh giàu cảm xúc trên nhiều cung bậc: khi hài hước bông lơn, khi xót xa thương cảm, khi thì khắc

khoai yêu thương, khi lại chìm sâu trong suy ngẫm, triết lí.

2. Các giọng điệu trần thuật

2.1. Giọng châm biếm, hài hước

Thấp thoáng đằng sau những câu chữ trong *Thời xa vắng* là một Lê Lựu hóm hỉnh, sắc sảo và mỉa mai. Không giấu nhại như Vũ Trọng Phụng, không đả kích quyết liệt như Nguyễn Công Hoan, Lê Lựu chỉ hài hước, châm biếm nhẹ nhàng để sau đó cảm thông, xót xa chứ ít khi bôi bác, lên án... Ngôn từ mang đậm chất dân quê và lối nói hàng ngày, những nét phác họa về ngoại hình, tính cách, hành động của nhân vật đã gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc.

Cuộc hôn nhân giữa Sài và Tuyết là cảnh “*bồng bồng công chồng đi chơi...*” bởi vậy nó đã có bao điều bất ổn. Cuộc sống của hai vợ chồng trẻ con Sài - Tuyết là chuỗi dài những nụ cười - nước mắt, những bi - hài kịch. Lúc nhỏ, khái niệm “vợ” với Sài chỉ là “*người quét cái sân và cái ngõ dài thăm thẳm*” [3], là những phản kháng, ầm ức trẻ con đến nức cười: không đi cùng, không ngồi cùng phía, không nhờ xới cơm, không chằm cùng bát... Giọng điệu hài hước bật ra từ những lời nói, hành động, cử chỉ của một anh chồng trẻ con: “*Bố mày đến đây thì đếch sợ, ông huých cho chó nó cắn lòi mắt bố mày ra*”, “*làm xong việc nó chạy oà như con gà, con ngan vừa bị nhốt ra khỏi lồng*” [3]... Lớn lên, Tuyết đã trở thành nỗi ám ảnh với Sài, khiến anh luôn tìm cách lẩn tránh, thậm chí trở thành một trong những nguyên nhân khiến anh quyết chí đi bộ đội, đi B..., đi bất cứ nơi đâu miễn là không nhìn thấy Tuyết.

Sài không những không yêu mà còn ghét Tuyết. Trong con mắt Sài, Tuyết luôn hiện lên xấu xí, thô kệch, thậm chí... ngu dốt! Thực ra Tuyết không xấu đến mức như vậy.

Cô cũng là một cô gái khoẻ mạnh, có duyên và hoàn toàn có thể có được hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống chung với Sài từ những ngày còn bé tí có lẽ đã khiến Tuyết mất ý thức về bản thân mình, khiến cô trở nên khổ sở, tự ti. Và cô tìm cách làm đẹp mình, để được chồng yêu. Nhưng khôn khổ thay, những gì cô làm lại trở nên phản cảm, bởi sự kệch cỡm, lộ bịch, thiếu sự cân đối, hài hoà. Lê Lựu đã mô tả sự trái khoáy ấy bằng đoạn văn tả chân dung của Tuyết trong lần đi thăm chồng. Ông dựng lên trước mắt người đọc một bức chân dung trọn vẹn, hoàn chỉnh về diện mạo, trang phục, hành động, cử chỉ, lời nói... cụ thể đến mức chi tiết, sinh động.

Đó là chân dung cô gái quê Hạ Vị với *“một cái áo sơ mi nỡn chuối, một cái áo lót đông xuân màu hồng mặc phía trong”* với *“đầu chải bẽ xẵng tin nhếch nháng lật ngược và được để ập xuống bởi vòng khăn vấn bằng vải toan nhuộm màu nâu non còn mới trông nó chặt chằng như một cái đai”* [3]. Cách tiếp cận đối tượng từ khoảng cách gần cùng với lối so sánh ví von độc đáo, gần như phóng đại khiến người đọc bật cười trước sự tương phản cực mạnh giữa tình - quê, mới - lạc hậu, đẹp - xấu... Dường như để bức chân dung kia thêm hoàn hảo, Lê Lựu đã đưa những nét vẽ cuối cùng với những mảng màu thừa được trộn *“hồ lớn”*: *“Chiếc quần sũng sình dài quét gót, nhưng lại xắn vạt vào cạp, kéo ống lên ngang cổ chân để lộ đôi bàn chân to bè bè, chỉ chút từng vệt gai cào. Nó căng lên nứt nẻ bởi những quai dép cao su chằng cả phía trước và phía sau”* rồi *“cả áo trong, áo ngoài kéo lên để lộ từng mảng lưng đen lần từng múi thịt”* [3]. Sự thô kệch của Tuyết khiến người đọc lo lắng thay cho cô: cô sẽ khiến chồng yêu mình thế nào đây, trong khi Sài đối với cô đã có quá nhiều ác cảm?

Văn phong của Lê Lựu giản dị, tự nhiên, lời cuốn, sinh động và hài hước. Miêu tả hành động, cử chỉ của Tuyết, nhà văn sử dụng hàng loạt từ ngữ khôi hài: *chuối động từ, từ*

láy tượng hình... (*cô reo lên, cười toe toét, son son đi trước, bạch bạch ra ngoài, nói cười hớn hở, lại bạch bạch về, lại nói cười hỏn hển, huyền thuyên táo tợn...*) để người đọc thấy sự vô duyên đến nực cười của Tuyết. Khai thác mối quan hệ giữa đôi vợ chồng Sài - Tuyết, Lê Lựu đã cho thấy những bất ổn, những khập khiễng trong cuộc sống của họ và từ đó, tiếng cười cất lên như một sự cảm thông cho những hành động *“lạc điệu”*. Đằng sau tiếng cười ấy là sự xót xa, chua chát của một trái tim giàu lòng nhân ái và mãi cảm với cuộc đời, con người.

Trong *Thời xa vắng* có một nhân vật được nhà văn nhắc đến khá nhiều: đám đông. Nhân vật đám đông đóng vai trò khá quan trọng trong tác phẩm, tham gia vào đời sống sinh hoạt hàng ngày của con người. Nhà văn tỏ ra là người nắm tâm lý đám đông khá vững. Giọng châm biếm, hài hước toát lên từ đó. Người dân quê mang trong mình đầy đủ bóng dáng của sự tự ti, hèn nhát. Ai cũng tính toán khôn ngoan, ai cũng muốn bày tỏ ý kiến nhưng lại chờ đợi người khác nói hộ mình. Dường như cuộc đời họ đóng khung trong hai chữ *chúng ta*, nếu bứt phá ra để đứng về phía *cái tôi* thì hẳn là một sự đại dột vô cùng, không khéo mang vạ cũng nên. Đám đông hay dư luận còn có một đặc tính: gió chiều nào, xoay chiều ấy. Chuyện *“giăng gió”* của Sài còn hệ trọng hơn *“chuyện võ đề bói”*, cuốn hút hơn cả *“dòng nước võ cuốn mất mười bảy ngôi nhà”*, nghiêm trọng như *“giặc già sắp tràn về, như dân làng Hạ Vị sẽ lụn bại vì nó, như nước sông lên to cuốn hàng nghìn người, như là nhà nào cũng sẽ chết đói chết rét vì chuyện ấy”* [3] nhưng lại nhanh chóng trở thành chuyện không có gì: *“dư luận đã bơi nhẹ thanh danh anh em con cháu nhà ông Hà thì chính dư luận đã rửa sạch tất cả”* [3]. Dư luận trong *Thời xa vắng* không chỉ là đám đông nhát sợ, tọc mạch, a dua... mà còn trở thành một áp lực vô hình, một khuôn khổ, giới hạn kìm kẹp con người,

khuyến Sài và tất cả các nhân vật khác không thể thoát ra được. Đặt ra vấn đề này, ngòi bút Lê Lựu không đơn thuần chỉ là hài hước, châm biếm mà hơn thế, tác giả muốn người đọc phải xót xa, suy ngẫm. Phải chăng đó chính là phần chìm của sáng tạo nghệ thuật trong nguyên lý *tảng băng trôi* của Ernest Hemingway?

2.2. Giọng xót xa, thương cảm

Giọng xót xa, thương cảm xuất hiện khá đậm đặc trong tác phẩm. Nhà văn thường di chuyển, mở rộng điểm nhìn để bày tỏ quan niệm, thái độ của mình. Lời nửa trực tiếp và điểm nhìn bên trong trở thành phương tiện hữu hiệu để chuyển tải giọng điệu này. Nhà văn thể hiện thái độ thông cảm, xót xa trước những số phận éo le và trước những nhận thức lạc hậu của người dân làng Hạ Vị.

Ở *Thời xa vắng*, Lê Lựu không chỉ đau lòng về nỗi bất hạnh của một Giang Minh Sài yếm thế mà còn trăn trở về một cô Tuyết cô đơn khổ hạnh, về một Hương yêu hết mình nhưng thất bại, một cô Châu ghê gớm nhưng cũng chịu nhiều cay đắng. Ngòi bút của ông dường như mở rộng ra để san sẻ với tất cả mọi người.

Tuyết - giống như bao cô gái khác - khao khát tình yêu và hạnh phúc nhưng lại bị chồng coi như cái gai trong mắt. Đó là người đàn bà nhà quê bất hạnh và đáng thương. Điểm nhìn bên trong đã giúp nhà văn hiểu thấu nỗi khát khao và cô đơn của cô gái tuổi mười bảy: *“cái tuổi dậy thì của người con gái mỗi ngày như trông thấy cái cơ thể dồi dào sức lực của mình cứ mát mẻ và êm ái căng đầy lên, đã thấy khao khát đến cháy khô đôi môi mọng đỏ trước cái nhìn dăm dăm của con trai, đã thấy phập phồng mỗi đêm nghe tiếng chồng chạy về”* [3], hiểu những niềm vui nho nhỏ khi Tuyết được đi cùng Sài, được người làng tán tụng, gán ghép. *“Lê Lựu hiểu nhân vật của mình đến tận chân tơ, kẽ tóc, đến tận những ngọn ngành sâu thẳm nhất của tình cảm, suy nghĩ”* [4]. Nhà văn đã nhìn thấu

nỗi cơ cực của người đàn bà *“cả một thời con gái được chồng nhòm ngó đến một lần rồi nuôi con một mình...”* để rồi *“cứ phải ép mình xuống giường chịu cho qua hết đêm này đến đêm khác”*, để rồi *“đêm nào cũng phải nghĩ một mình, ôm con khóc mà nghĩ”* [3]. Những dòng văn rung rung nước mắt, ngậm ngùi cho một số phận tủi cực và cam chịu. Lê Lựu cảm thông với những hao hao, thèm thườn tội nghiệp của Tuyết: *“từ câu quát mắng, thềm một quả đấm, một cái tát, bởi những cái đấy là tục tằn, thô lỗ vẫn được tiếng là cô có chồng, chồng đánh, chồng chửi, chồng giận, chồng hắt hủi...”* [3]. Tuyết đã từng là thành viên của hội thanh niên và hội phụ nữ nhưng người ta cũng quên cô là người của đoàn thể mình vì cô có đi họp bao giờ. Sau này có một đứa con với Sài, Sài cũng chỉ nhớ đến đứa con mà quên mất cô đã sinh ra nó. Sự mất mát, dở dang dường như gắn chặt với cuộc đời cô vậy. Cảnh ngộ của cô đáng được thông cảm hơn là phê phán! Và từ đó ngòi bút của nhà văn như ngập ngừng hơn khi viết và đôi mắt như dâng ngấn đầy nước trước niềm mơ ước đầy xót xa của Tuyết.

Xã hội cũ tạo nên một Giang Minh Sài yếu đuối, yếm thế, nhút nhát, không dám sống cho chính mình. Mười bốn tuổi đầu, Sài đã phải sống thành hai cuộc đời: thật và giả. Ban ngày chỗ công chúng anh là con người giả, sống vì mọi người, làm đẹp lòng mọi người, nghĩa là yêu vợ như một ông chồng đầy trách nhiệm. Ban đêm, anh mới có cơ hội trở thành con người thật của mình, có một khoảng tự do cuối cùng của tình cảm và quyền làm người. Trước những dằn vặt, đau khổ của Sài, nhà văn đôi lúc không kìm nén nổi cảm xúc đã thoát lên *“thật khôn khổ thay”*, *“tội nghiệp anh”*!

Được giải phóng khỏi Tuyết, Sài trở thành người tự do, hoàn toàn có thể làm những gì mình muốn. Những tưởng anh sẽ mạnh mẽ, bản lĩnh hơn thời gian trước, nào ngờ, trong

cuộc hôn nhân tiếp theo, anh lại trở nên yếu đuối và nhu nhược. Sống với Châu, Sài quần quật sấp ngửa suốt ngày. Mỗi ngày, anh đầu tắt mặt tối từ 4 giờ sáng đến 2 giờ đêm để nấu cơm, rửa bát, giặt giũ, mua tem phiếu, cho con ăn... và trăm thứ việc không tên khác. “*Chu trình khép kín*” ấy khiến Sài “*mất đi 11 cân 4 lạng, già đi đến hơn chục tuổi, nhom nhem và bẽ tha như anh đập xích lô trực đêm trước cửa ga*” chỉ trong vòng “*hơn 300 ngày kể từ khi lấy vợ và 196 ngày kể từ khi sinh con*” [3]. Đến lúc anh có thời gian nhìn lại mình thì sự đổ vỡ đã gần kề. Anh trở thành con người âm thầm lặng lẽ. Bao nhiêu giằng xé, day dứt, “*hàng tiếng đồng hồ đứng lặng như chết, chỉ có hai làn môi động đập run run và khuôn mặt như méo mó hằn đờ*” [3] cuối cùng, Sài đã dừng cảm quyết định tìm lại chính mình, dù anh đã ở tuổi 40.

Cuộc đời Sài là cả một chuỗi bi kịch. Bỏ vợ, anh hi vọng vào một cuộc đời mới tốt đẹp nhưng cuối cùng cái gia đình mà anh cố công vun đắp đã tan vỡ. Anh hoàn toàn thất bại trên con đường mình đã đi. Giang Minh Sài và **Thời xa vắng** đã “*gợi lên cho nhiều người chút động lòng và sự nuối tiếc. Sự nuối tiếc ở đây là cái hích đầu tiên để người ta nghĩ tiếp và tìm ra cho mình một cách sống xác đáng*” [4].

Không chỉ trải lòng trước những số phận bi kịch như Sài, Tuyết, Hương, Châu..., Lê Lựu còn bày tỏ niềm cảm thông, chua xót với nỗi tủi nhục của người dân “*làm thuê cuộc mưu sinh*”. Nếp suy nghĩ nông cạn, thói ăn sẵn, sợ thất bại và lối sống an toàn đã khiến họ - cả làng Hạ Vị kéo nhau lũ lượt đi làm thuê. Nam Cao là nhà văn có biệt tài viết về cái đói và miếng ăn. Viết về đề tài tưởng như tầm thường, nhỏ nhặt ấy, nhà văn đặt ra một vấn đề không hề nhỏ: cái đói, miếng ăn đã khiến con người không thể đứng thẳng để gìn giữ nhân cách của mình, “*miếng ăn là miếng nhục*”. Trong **Thời xa vắng**, Lê Lựu cũng xót xa trước cảnh con người vì miếng cơm manh

áo mà đánh mất danh dự và giá trị của bản thân. Sài - từ khi còn nhỏ - đã “*ưa nước mắt vì bị khinh rẻ*” đã “*hiểu thế nào là thân phận của kẻ đi làm cốt chỉ kiếm lấy một bữa cơm*” [3]. Có lẽ, quá khứ ấy vẫn day dứt trong Sài và phải chăng đó là một phần động lực thôi thúc anh trở lại xây dựng quê hương?

Viết về những con người- nạn nhân của hoàn cảnh, những tàn dư của nếp sống lạc hậu xưa, chất giọng xót xa thương cảm đã góp phần thể hiện sâu sắc tấm lòng của nhà văn trước cuộc đời và số phận con người. Lê Lựu đã viết về quá khứ với sự nhận thức lại một cách sâu sắc, với ý thức hướng về một tương lai tốt đẹp hơn. Thiết nghĩ, đó chính là điều đáng quý trong nhân cách và bản lĩnh người nghệ sĩ.

2.3. Giọng khắc khoải, da diết

Trong tiểu thuyết của Lê Lựu, nhân vật hiện lên đầy tâm trạng: Giang Minh Sài khát khao và lẩn tránh, Tuyết chờ đợi và hi vọng, Hương da diết ngóng trông. Và giọng khắc khoải, da diết giúp nhà văn thâm nhập vào thế giới tình cảm sâu kín của nhân vật. Người trần thuật đã tựa vào giác quan, tâm hồn nhân vật để bày tỏ tâm tư, cảm xúc: đó là nỗi niềm tha thiết yêu thương của Hương, là ước mơ cháy bỏng tâm can của Sài... Sự luân phiên, đan cài giữa điểm nhìn các nhân vật và điểm nhìn người trần thuật được sử dụng linh hoạt đã góp phần tạo nên tính đối thoại trong ngôn ngữ - một trong những dấu hiệu của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

Thời xa vắng là câu chuyện tình tha thiết của Hương và Sài. Hương là một cô gái thẳng thắn, mạnh mẽ và trung thực. Trận nước lụt trắng xóa ở làng Hạ Vị đã gắn kết đời cô với Sài để sau đó tình yêu và nỗi nhớ đốt cháy tâm can cô. Cô chỉ biết sống và yêu thầm lặng, để rồi gửi tình cảm của mình vào những *trang thư*. Đây là nơi ký thác niềm vui, nỗi buồn, sự oan uổng, khát khao và chờ đợi. Đó là những háo hức, mong chờ “*liệu ở nhà anh đã biết tin này chưa!.. Em chỉ cần có một*

mình anh yêu em, anh ở bên em”, là những lo lắng với giấc mơ hãi hùng “không đêm nào em không khóc và đã có lần nằm mơ thấy anh đang bị búa vây có hàng trăm hàng nghìn người cầm dao, cầm súng, vòng trong vòng ngoài xô vào chém và bắn anh”, là những băn khoăn cực độ “anh thân yêu ơi! Những ngày vừa qua bố mẹ, anh Tính và họ hàng làng xóm có đau nghiêng si và anh nhiều không?” [3]. Những câu hỏi liên tiếp dồn dập chứng tỏ con sóng tình yêu trong cô không phút nào yên. Chính vì con thuyền tình không cập được bến của lứa đôi hạnh phúc mà trong cô luôn nảy sinh lòng khắc khoải trông mong.

“Giọng điệu gắn với các hiện tượng ngôn ngữ, được thể hiện qua lời văn nghệ thuật nhưng về bản chất đó là một hiện tượng siêu ngôn ngữ” (Trần Đình Sử). Giọng điệu có thể bộc lộ qua cách miêu tả các hiện tượng, các tính cách, hoàn cảnh. Có giọng thể hiện trực tiếp trong ngôn ngữ, có giọng nằm sau hoặc giữa các chữ, trong cả những chỗ phi ngôn từ (dấu hỏi, dấu chấm than, chấm lửng, ngắt dòng...). Điều này thể hiện khá rõ trong đoạn văn miêu tả tâm trạng của Hương khi đọc bài báo viết về chiến công của Sài. Người đọc nhận thấy sự đan cài giữa giọng Sài và giọng Hương. Sự thay đổi điểm nhìn đã tạo nên cuộc đối thoại đầy kịch tính trong nội tâm của Hương, để rồi cuối cùng, tình yêu cứ khắc khoải, day dứt mãi trong cô: “Đừng khóc khi trở về thấy em âu yếm, vỗ về chồng con mà câm lặng, lẩn tránh em. Anh bé bỏng của em ơi. Nhưng...anh ơi... Nhưng đến bao giờ em mới có thể để anh hiểu nỗi lòng em, để anh bớt đau đớn, tủi hận. Bao giờ! Đến bao giờ hở anh!!!” [3]. Giọng khắc khoải, da diết không chỉ bộc lộ ở ngôn từ mà còn nằm trong những dấu chấm lửng, chấm than, trong những câu hỏi cứ lặp đi lặp lại trong trái tim người con gái si tình.

Hương mạnh mẽ, nồng nhiệt bao nhiêu thì Sài lại rụt rè, trầm lặng bấy nhiêu. Có lẽ sự trái dấu ấy đã trở thành sức hút cuốn họ lại

với nhau. Dòng nước lũ lem lem nuốt chửng những con đường làng, những bãi ruộng xanh non và tạo cơ hội cho hai kẻ si tình gặp nhau giữa mênh mông đất trời. Tình yêu - từ đó đã trở thành ngọn lửa âm ỉ cháy trong trái tim Sài. Anh lên đường nhập ngũ với một sự lặng thính lắm rồi, quyết định “dùng cảm” này xé tan một mối tình để cả cuộc đời anh phải sống trong ân hận. Là một người lính với vẻ ngoài thô mộc khô khan nhưng thực chất bên trong Sài lại là một con người khác - đang vùng vẫy với niềm khao khát được yêu, được sống với cảm xúc thật của mình. Nếu Hương tìm đến những lá thư để trút vào đó những tiếng lòng thôn thức thì Sài tìm thấy chính mình trong những dòng nhật kí. Anh trò chuyện hàng đêm với Hương, tưởng tượng ra tâm trạng nhớ nhung, khuôn mặt bùng bùng hạnh phúc của Hương khi sắp được làm cháu dâu nhà họ Giang... Anh và Hương cùng đi thi, cùng ôn bài, cùng đi ăn kem bờ hồ, chụp ảnh, lai nhau về quê... Ban ngày hiện thực càng chua chát bao nhiêu thì ban đêm tình cảm ảo mà anh xây dựng lại êm đềm, ngọt ngào và lãng mạn bấy nhiêu. Làm sao Sài có thể tưởng tượng ra những việc điên rồ và nguy hiểm ấy nếu không phải cuộc sống thực kia đã kìm hãm anh trong cô đơn và mệt mỏi, khiến anh phải sống trong thế giới tinh thần của riêng mình vào ban đêm. Thế giới đó có Hương và Sài cần nó để tiếp tục sống. Đường như anh càng chạy trốn, tình yêu của anh càng lớn, càng mãnh liệt hơn.

Những lá thư, những trang nhật ký đầy tâm trạng của Hương và Sài chính là điểm nhìn thuần túy riêng tư, nội tại. “Nhà văn đã đưa người đọc từ cái nhìn bề ngoài, xa lạ, dần sâu vào bí ẩn tình cảm con người, vào vẻ đẹp của một tình yêu không vụ lợi, trong trắng, tinh khiết” (Trần Đình Sử). Cả thiên truyện, giọng khắc khoải, da diết tập trung vào hai con người khao khát yêu đương: Hương và Sài. Khát vọng cháy bỏng trong tình yêu của họ chính là minh chứng rõ rệt

nhất của ý thức cá nhân về hạnh phúc. Viết về mối tình tha thiết, mãnh liệt ấy, Lê Lựu bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng trước khát vọng về hạnh phúc cá nhân của con người. Đó cũng chính là chiều sâu nhân bản trong tác phẩm.

2.4. Giọng trải nghiệm, suy ngẫm

Lê Lựu sinh tại Khoái Châu, Hưng Yên, giữa những cách đồng đậm màu đất phù sa của đồng bằng sông Hồng - một vùng đất từ xa xưa đã ngụp lặn trong nghèo đói. Giống như làng Hạ Vị trong tiểu thuyết *Thời xa vắng*, huyện Khoái Châu nằm bên con đê lớn của sông Hồng và nhiều năm trời bị lũ lụt tàn phá. Giống như những người dân Hạ Vị, dân phủ Khoái Châu phải bán sức lao động và đi cày thuê ở những xã khấm khá hơn. Và cũng giống như Sài, Lê Lựu đã có một cuộc đời không hề bình lặng. Bởi vậy, *Thời xa vắng* có dáng dấp một cuốn tự truyện của tác giả. Từ câu chuyện cuộc đời mình, nhà văn đã đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa lớn lao: khát vọng hạnh phúc cá nhân, bản lĩnh sống, tâm lý xã hội của thời đại... Do đó, nhân vật dù là con người cụ thể nhưng số phận của họ không phải là trường hợp cá biệt mà đại diện cho cả một thế hệ trong giai đoạn lịch sử đầy những biến động, thăng trầm.

Có lẽ vì thế, giọng trải nghiệm, suy ngẫm trở thành chất giọng chủ đạo của *Thời xa vắng*, mặc dù nó ít thể hiện trực tiếp trong tác phẩm. Tuy nhiên, đằng sau những cảm xúc châm biếm, hài hước, xót xa, thương cảm, khắc khoải, da diết... là những trải nghiệm cá nhân, những suy ngẫm về cuộc đời, con người, về tình yêu... Đó có thể là trải nghiệm của nhân vật, cũng có thể là suy ngẫm của người trần thuật. Nhà văn khi nhập vào nhân vật để bộc lộ, tâm tình, chia sẻ, khi đóng vai người quan sát, lắng nghe, đối thoại, khi lại trực tiếp bộc lộ quan điểm của mình... Nhan đề *Thời xa vắng* cũng khiến người đọc phải suy ngẫm: *thời nào?*- thời mà dưới tác động của lịch sử, con người chỉ như một dây leo

không dám vượt ra khỏi khung giàn của nó; *xa vắng* - một thời đã qua mà sao cảm giác như vẫn lẩn khuất đâu đây, vẫn chưa xa... Để rồi từ đó, người đọc ý thức về cách sống, về tình yêu, hạnh phúc của mình hơn, để hoàn thiện mình hơn.

Xoay quanh bi kịch của Giang Minh Sài, Lê Lựu muốn người đọc suy ngẫm về những nguyên nhân dẫn đến bi kịch ấy. Dễ dàng nhận thấy, nguyên nhân trực tiếp là sự hèn nhát, thiếu bản lĩnh của Sài. Anh không dám quyết định điều gì, không dám sống cho bản thân mình, đến lúc có quyền quyết định, lại vội vã, sai lầm. Cả cuộc đời Sài có thể gói gọn trong một câu nói đầy chua chát của chính anh: “*nửa đời người phải yêu cái người khác yêu, nửa còn lại đi yêu cái mình không có*” [3]. Bi kịch của Sài cũng là bi kịch của thời đại. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến những đau khổ của Sài còn là áp lực vô hình của thiết chế xã hội, của dư luận. Chính xã hội ấy đã đè bẹp quyền sống cá nhân của con người. Sài không hoàn toàn yêu đuối và hèn nhát, anh cũng có những phản kháng nhưng mỗi lần phản kháng, Sài lại bị những kìm kẹp của xã hội trói buộc, khiến anh không thể sống như mình mong muốn. Lê Lựu “*nghiêm khắc trước Sài nhưng cũng cảm thông cho những khó khăn khách quan mà Sài khó lòng có bản lĩnh vượt qua được. Đó là môi trường, hoàn cảnh cụ thể xung quanh anh ta*” [4]. Tác phẩm vì vậy mở đầu cho khuynh hướng nhận thức lại trong văn học sau 1975, nhìn nhận lại quá khứ để nhận ra những sai lầm ấu trĩ, những định kiến hẹp hòi... Đặt ra vấn đề ấy, Lê Lựu đã trở thành một trong những người tiên trạm cho văn học đổi mới.

Không chỉ thể hiện những trải nghiệm về cuộc đời, nhà văn còn chia sẻ với nhân vật những suy ngẫm về tình yêu: “*xoá bỏ sự cộc cạch này để chấp vá với sự cộc cạch khác là đánh lừa nhau*” [3]. Lê Lựu đã cho người ta biết thêm một điều thật giản dị: cuộc sống không phải lúc nào cũng hoàn hảo; biết chấp

nhận đắng cay và nhìn thẳng vào sự thật thì con người ta mới có thể sống là chính mình. Hầu như trong suốt hơn 300 trang sách, Lê Lựu để cho nhân vật tự suy ngẫm, tự nói lên trải nghiệm của chính mình, ông chỉ là người đứng ngoài quan sát. Tuy nhiên, có lúc, nhà văn dường như không thể đứng ngoài, không thể tiếp tục tỏ ra lạnh lùng, khách quan được nữa. Chứng kiến sự đổ vỡ lần thứ hai của Sài, trước cảnh hai đứa trẻ thơ khóc oà chạy theo bố, Lê Lựu như muốn kêu to với mọi người rằng: *“các người cứ yêu nhau say đắm và mê mẩn rồi lại cắn xé nhau như chó mèo đi. Tất cả đều là quyền của các người. Nhưng đừng kẻ nào đã man tạo ra những đứa trẻ để rồi lại trút lên cái cơ thể bé bỏng của nó những tội lỗi sinh ra từ lòng ích kỉ không cùng của các người”* [3]. Ngẫm cho cùng cái hiện thực xót xa và đầy oán trách này tồn tại đầy rẫy ở trong xã hội. Nó là sự thực mà con người ta đôi khi dù không muốn vẫn gặp phải. Cuộc sống riêng tư của Lê Lựu không bình lặng như mọi người. Có lẽ, cuộc sống riêng ấy đã cho ông những trải nghiệm và hơn hết là cho ông những trang viết có giá trị. Trong lời tự bạch, Lê Lựu tâm sự rằng *“trong hàng ngàn trang giấy đã “cây” được nếu như có một trang, một dòng, thậm chí một chữ giúp được NGƯỜI NGHĨA là có ích cho đời đã là phúc lắm, vẻ vang cho tôi lắm lắm.”*!

Giọng trải nghiệm suy ngẫm không phải đến Lê Lựu mới có mà nó đã xuất hiện từ lâu trong những trang văn của Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài, Nguyên Hồng, ... nhưng *“cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất cứ tài năng nào là cái mà tôi muốn nói là tiếng nói của riêng mình”* (Turghênhep) đã khiến

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

cho giọng điệu trải nghiệm suy ngẫm của Lê Lựu về cuộc đời, con người, tình yêu trở thành tiếng nói riêng khá độc đáo trong tiếng nói chung của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

3. Kết luận

Sau năm 1975, văn học bước sang chặng đường mới. Khuynh hướng sử thi không còn chiếm vị trí độc tôn. Giọng điệu văn chương không đơn thuần là giọng ngợi ca, khẳng định mà trở nên đa thanh, đa giọng điệu. Ở *Thời xa vắng*, Lê Lựu nhìn nhân vật của mình bằng cái nhìn đa chiều, khiến nhân vật hiện lên chân thật và sinh động. Các sắc thái giọng điệu vì thế cũng đa dạng, phong phú: giọng khắc khoải trong hành trình đi tìm một tình yêu đích thực; giọng châm biếm hài hước hóm hỉnh, sắc sảo; giọng xót xa thương cảm trước những số phận bi kịch...; giọng suy ngẫm trải nghiệm về cuộc sống đa sắc màu nhưng cũng không kém phần ngổn ngang phức tạp... Tất cả cùng đồng hiện trong tác phẩm, bổ sung, đan xen tương trợ lẫn nhau. Sự đan cài giữa các giọng điệu ấy đã tạo nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm và góp phần khẳng định phong cách của nhà văn, giúp tên tuổi Lê Lựu định vị trong lòng độc giả.

Tài liệu tham khảo và khảo sát

- 1, Lê Huy Bắc (1998), *Giọng và giọng điệu trong văn xuôi hiện đại*, Tạp chí Văn học (9).
- 2, G. N. Pospelov (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục.
- 3, Lê Lựu (2002), *Thời xa vắng*, NXB Giáo dục.
- 4, Lê Lựu (2002), *Lê Lựu tạp văn*, NXB Văn hóa thông tin.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 02-06-2010)

ĐỐI THOẠI TỰ THÚ TRONG SÁNG TÁC